TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 505/2024/DS-PT
Ngày: 17/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Chu Thị Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9589/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nông Văn T sinh năm 1971; địa chỉ: thôn CT, xã BL, huyện BL1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Trương Đức H1 – Văn phòng luật sư Hải Đức thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**** Bị đơn*:** Ông Lăng Văn C sinh năm 1965, địa chỉ: thôn CT, xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị Hg sinh năm 1964; địa chỉ: Số 72 phường HVT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nông Thị I; có mặt.

- Chị Nông Thị K; vắng mặt.

- Anh Mông Văn Gi; vắng mặt.

- Anh Lăng Viết Nh; vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị Y; vắng mặt.

- Anh Lăng Văn Ng; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ng1; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: thôn CT, xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn;

- Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Anh; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn Th1- Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CL; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Th2; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nông Văn T trình bày:

Gia đình ông có khu rừng địa danh là Thâm Sliềng thuộc thôn CT, xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, diện tích khoảng 5.000m² có nguồn gốc là do ông cha để lại. Thửa đất tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông tiếp giáp đất ông Lăng Văn C; phía Bắc tiếp giáp đất bà H2, ông Ph; phía Tây tiếp giáp đất ông V1; phía Nam tiếp giáp rừng ông Th4. Hiện nay, khu rừng của gia đình ông đang trồng các loại cây ăn quả bao gồm: 03 cây nhãn đã hơn 100 tuổi, 03 cây hồng, 15 cây cam, 03 cây bưởi, 04 cây hồi, 10 cây sa mộc, 02 cây trám, 20 cây chè; hàng năm gia đình ông vẫn chăm sóc và thu hoạch những loại cây này. Ngoài ra còn có 02 mộ của hai ông cụ ông và 02 mộ của hai bác ông. Năm 2021, gia đình ông Lăng Văn C tranh chấp đất với gia đình ông. Do vậy, nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL xem xét, giải quyết: Xem xét gia đình ông Lăng Văn C có phải lấy sổ bìa Xanh của khu rừng khác để tẩy xóa và sửa thành khu đất rừng Thâm Sliềng của ông đang tranh chấp không; buộc ông Lăng Văn C chấm dứt tranh chấp khu đất rừng địa danh Thâm Sliềng của gia đình ông; buộc ông Lăng Văn C di dời toàn bộ các cây mà ông Lăng Văn C đã trồng trên đất rừng Thâm Sliềng của ông

Sau khi được Tòa án thông báo kết quả đo đạc và giám định thể hiện diện tích tranh chấp là 7.234,0m², ông không yêu cầu xem xét giải quyết đối với phần diện tích đất (khu mộ 1) có diện tích là 117,8m^2 (cụ thể diện tích 79,9m^2 thuộc một phần thửa 78, diện tích 37,9m^2 thuộc một phần thửa 132); (khu mộ 2) có diện

tích 20,3m^2, diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 132 là 64,7 m^2, một phần thửa đất số 121 là 1.655,0m^2 và phần diện tích của lô 176 là 597m^2.

Ông xác định diện tích tranh chấp còn lại ông yêu cầu giải quyết là 4.779,2m²; yêu cầu được quản lý sử dụng đất và các cây trên đất gồm 02 cây nhãn, 04 cây hồi, 02 cây trám và các cây cam, quýt; yêu cầu bị đơn chấm dứt tranh chấp đối với diện tích đất 4.779,2m²; yêu cầu di dời 16 cây hồi trên khu đất tranh chấp; yêu cầu hủy một phần Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng đất rừng và đất trồng rừng cho ông Lăng Văn C đối với khu đất rừng có địa danh Thâm Sliềng thuộc thôn CT, xã BL, huyện CL. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trên đất có cây ăn quả do các cụ, bố mẹ ông và ông trồng; ngoài ra không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quá trình giao đất, sử dụng đất từ đời ông cha (4 đời) đến nay, cũng như thời gian các cụ, bố mẹ ông trồng cây ăn quả.

Ngoài các yêu cầu trên ông có đơn đề nghị giám định thời gian chữ viết bị gạch, tuổi mực trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng của ông Lăng Văn C. Tòa án đã có văn bản gửi phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn trả lời đối với yêu cầu giám định thời gian chữ viết bị gạch, tuổi mực: Hiện nay phòng Kỹ thuật Hình sự chưa thực hiện giám định tuổi mực, thời gian của chữ viết bị gạch xóa. Sau khi được Tòa án thông báo kết quả trên, ông làm đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự giám định tuổi mực, thời gian của chữ viết. Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định gửi Viện khoa học hình sự và Viện khoa học hình sự cũng đã có văn bản trả lời từ chối giám định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - bà Lương Thị Hg trình bày không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì:

Thửa đất tranh chấp này do ông cha để lại, gia đình ông C đã quản lý và sử dụng từ lâu, năm 1994 gia đình ông C được Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng lô số 173 diện tích 2,43 ha và những người có đất liền kề khu đất tranh chấp là họ Lăng không có họ Nông.

Sau khi được Tòa án thông báo kết quả đo đạc và giám định thể hiện diện tích tranh chấp là 7.234,0m², ông C cũng nhất trí với ý kiến của ông Nông Văn T là không yêu cầu xem xét giải quyết đối với phần diện tích đất (khu mộ 1) có diện tích là 117,8m^2 (cụ thể diện tích 79,9m^2 thuộc một phần thửa 78; diện tích 37,9m^2 thuộc một phần thửa 132); (khu mộ 2) có diện tích 20,3m^2, diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 132 là 64,7 m^2, một phần thửa đất số 121 là 1.655,0m^2 và phần diện tích của lô 176 là 597m^2.

Diện tích tranh chấp còn lại ông yêu cầu giải quyết là 4.779,2m² (trước đây tại các biên bản hòa giải diện tích tranh chấp là 4.740,9m^2 là do tính toán

nhầm) và buộc ông Nông Văn T và các thành viên trong gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên; yêu cầu được quản lý đất và toàn bộ số cây hiện có trên đất.

- Bị đơn ông Lăng Văn C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là anh Lăng Viết Nh, bà Hoàng Thị Y, anh Lăng Văn Ng đều nhất trí với ý kiến của bà Lương Thị Hg trình bày và không có ý kiến khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Nông Thị I, Nông Thị K, anh Mông Văn Gi nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn T.

- Người đại diện theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn là ông Lương Văn Th1trình bày: Phần đất các bên tranh chấp thuộc một phần của lô 173, diện tích 2,43 ha mà Uỷ ban nhân dân huyện CL đã cấp cho ông C năm 1994; đến năm 2008 đo đạc dự án đất Lâm nghiệp trong quá trình đo và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất tranh chấp này thuộc một phần của thửa đất số 78, tờ bản đồ số 5, diện tích 179.480,0m^2, đến năm 2012 đo đạc bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 (cấp theo dự án 32 xã) thì thửa 78 được tách ra thành nhiều thửa nhỏ trong đó cũng đã cấp thửa 121 và 132 cho gia đình bị đơn ông Lăng Văn C. Do bản đồ giao đất giao rừng trước kia chỉ khoanh vẽ, nay có bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 (cấp theo dự án 32 xã) xác định đã cấp trồng lên lô 173 thì theo quy định là thu hồi sổ bìa xanh, xem xét quá trình quản lý, sử dụng của các đương sự để giải quyết và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng đất rừng và đất trồng rừng đã cấp cho ông Lăng Văn C và diện tích đất hai bên tranh chấp có thể xem xét cấp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

- Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn ông Hoàng Văn Th2 trình bày: Về nội dung liên quan đến thửa đất số 78, tờ bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp số 5 tỷ lệ 1/10.000 xã BL cụ thể như sau: Năm 2008 đo đạc dự án đất Lâm nghiệp trong quá trình đo và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 5, diện tích 179.480,0m^2 các hộ dân sử dụng đất không đến ký nhận diện tích nên Uỷ ban nhân dân xã đã ký nhận đứng tên trên sổ mục kê. Nhưng thực tế đất vẫn do các hộ dân quản lý sử dụng, nhưng không xác định được ai đang quản lý sử dụng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng Nguyễn Máy D3, Lăng Văn D4, Hà Thị C5 đều trình bày: Họ đều là người trong họ Lăng, gia đình của họ có chồng, con gái, con trai...chết, khi an táng trên khu đồi Thâm Sliềng thì họ đều đến gặp ông Lăng Văn C để đặt vấn đề chôn cất người thân tại khu rừng đó vì người quản lý, sử dụng khu rừng đó là ông Lăng Văn C, khi ông Lăng Văn C đồng ý họ đã chôn người

thân của họ tại đó. Hiện nay những ngôi mộ của gia đình họ vẫn để ở đó.

- Bà Lương Thị Hg là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ, và kết quả phần hỏi tại phiên tòa hôm nay xác định được diện tích đất tranh chấp là: 4779,2m^2 thuộc thửa đất số 78 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 tỷ lệ 1/10.000 xã BL năm 2008, thuộc lô 173 bản đồ giao đất giao rừng xã BL có vị trí đỉnh thửa A2, A3, A12, A6, A7, B5, B7, C8, C7, C6, C5, C3, B6, C5, A9, A10, A11, B4, B3, B2, B1.

Đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất lô 173 hộ ông Lăng Văn C được Uỷ ban nhân dân huyện CL giao đất, giao rừng theo Quyết định 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994 diện tích 2,43 ha, tài sản trên đất tranh chấp hai bên đương sự đồng ý như kết quả thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Nguồn gốc: Đất có nguồn gốc là của ông cha, bố mẹ ông C được các cụ chia cho sau đó đến đời ông C, gia đình ông C đã tiếp tục quản lý sử dụng, thể hiện tại kết quả xem xét thẩm định diện tích đất tranh chấp được vây bọc bởi các chủ sử dụng đất tiếp giáp đều là dòng họ Lăng. Phía Đông giáp đất của ông Lăng Văn C; phía Tây giáp đất rừng ông Lăng Văn V1; phía Nam giáp đất rừng ông Lăng Văn Th4; phía Bắc giáp đất rừng bà Lăng Thị H2.

Nhận diện khuôn viên đất tranh chấp trên trích đo ngày 09/3/2023 trên thực địa thể hiện rõ: Nam ngoài giáp đất ông Lăng Văn Th4 còn tiếp giáp đất thửa 132 của ông Lăng Văn C; Bắc ngoài giáp đất rừng bà Lăng Thị H2 còn tiếp giáp thửa 121 của ông Lăng Văn C.

Qúa trình quản lý sử dụng: Sau khi nhận đất rừng gia đình ông C tiếp tục khoanh nuôi chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng đã được nhận, đồng thời trồng thêm một số cây trám, cây cam, cây hồi thay thế cho các cây đã chết, số cây ông đã trồng sống và tồn tại đến nay có 1 cây hồi, 03 cây quýt, cam, 01 cây trám,ngoài các cây ông đã trồng thì còn một số cây hồi, cây cam, cây nhãn hiện có trên đất là các cây phát tán mọc tự nhiên hàng năm đi rừng ông phát quang cho cây mọc và phát triển, trên phần đất trồng rừng ông C trồng ngô, sắn và gừng. Ông C quản lý phần diện tích đất đang tranh chấp từ khi được giao đất năm 1994 không có ai tranh chấp.

Năm 2003 ông C phát hiện gia đình ông Thắng đã có hành vi tranh chấp là trồng cây ăn quả trên diện tích đất ông đang quản lý sử dụng nên đã yêu cầu chính quyền xã giải quyết. Ông Nông Văn T thừa nhận " năm 2003 tôi đã trực tiếp trồng cây trên khu đất trên". Như vậy việc gia đình ông C đã được Nhà nước giao đất giao rừng năm 1994, năm 2003 ông Thắng đến trồng cây trên đất ông C đã được nhà nước giao là việc trồng cây trái phép. Năm 2003 ông C phát hiện ông Thắng trồng cây trái phép trên đất của gia đình ông đã thể hiện ông C vẫn

thường xuyên quản lý bảo vệ đất rừng được giao. Sau năm 2003 gia đình ông C vẫn tiếp tục quản lý sử dụng, đến năm 2022 mới tiếp tục có tranh chấp phát sinh.

Phía nguyên đơn cho rằng đây là đất ông cha và đã có quá trình quản lý sử dụng từ những năm trước giao đất giao rừng: Ngoài lời khai của nguyên đơn và những người tham gia tố tụng với nguyên đơn không có tài liệu nào chứng minh nguyên đơn có quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp trước thời điểm Nhà nước giao đất giao rừng. Bản thân nguyên đơn tại phiên tòa cũng thừa nhận gia đình nguyên đơn ngoài diện tích đất đang tranh chấp cũng có được giao đất rừng tại địa danh khác thời điểm Nhà nước giao đất giao rừng. Như vậy, cho thấy năm 1994 gia đình nguyên đơn nắm được chủ trương chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước và đã thực hiện xin giao đất vị trí khác không thuộc vị trí đang tranh chấp hiện nay.

Về yêu cầu hủy Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng mà Uỷ ban nhân dân huyện CL đã cấp cho gia đình ông C năm 1994 mà nguyên đơn đưa ra và người đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện đề nghị tại phiên tòa: Qua xem xét hồ sơ tài liệu giao đất rừng năm 1994 của Hộ ông C, thấy các tài liệu có trong Hồ sơ giao đất rừng đảm bảo đúng trình tự và quy định Điều 2 Luật bảo vệ và phát triển rừng số 58/LCT/HDDNN8 ngày 12/8/1991, Điều 9 Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/1/1992 về thi hành luật bảo vệ và phát triển rừng, đúng đối tượng quy định tại tiểu mục 4.4 mục 4 Thông tư 06/LN-KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 về giao đất lâm nghiệp "gia đình ông C đang thường trú tại xã BL" đúng trình tự, đối tượng theo Điều 13 Nghị định 02/CP của chính phủ ban hành ngày 15/01/1994 quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân huyện CL cũng khẳng định Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng cho gia đình ông C năm 1994 thời hạn 50 năm và việc cấp GCNQSDĐ thửa 132 và thửa 121 cho gia đình ông C năm 2013 là đảm bảo đúng quy trình, trình tự. Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng (bìa xanh) được giao theo bản đồ khoanh vẽ. Như vậy, gia đình ông C được tiếp tục quản lý sử dụng phần diện tích đang tranh chấp theo Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai.

Việc đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện CL đề nghị hủy Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 nhằm để Ủy ban thực hiện việc quản lý đất đai theo bản đồ địa chính lập năm 2013 là không có cơ sở. Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 mà Uỷ ban nhân dân huyện giao cho gia đình ông C đảm bảo về trình tự và đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng số 58/LCT/HĐNN8 ngày

12/8/1991, Luật Đất đai, ông C trước năm 1994 và sau khi được giao rừng vẫn quản lý sử dụng năm 2012 có kê khai diện tích đất tranh chấp nhưng do đất đang có tranh chấp nên xã chưa xem xét. Uỷ ban nhân dân xã BL cũng xác nhận việc quy chủ sử dụng diện tích đất đang tranh chấp là Uỷ ban nhân dân xã BL là do khi có bản đồ người dân không ký nhận chủ sử dụng đất do đang có tranh chấp, thực tế là do hộ dân trực tiếp quản lý sử dụng, không phải Uỷ ban nhân dân xã quản lý sử dụng thời điểm đo đạc bản đồ. Ý kiến đề nghị hủy toàn bộ Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 của ông C mà Uỷ ban nhân dân huyện CL đưa ra cũng vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Uỷ ban nhân dân huyện CL không có yêu cầu độc lập.

Nếu Uỷ ban nhân dân huyện CL làm tốt công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thì cần rà soát diện tích đất còn lại thuộc lô 173 mà gia đình ông C được giao nhưng không sử dụng, và chưa được cấp GCNQSDĐ theo bản đồ hiện trạng, thực hiện việc thu hồi diện tích đất đó theo quy định tại điểm h Điều 64 Luật đất đai, mới đảm bảo tính khách quan và có cơ sở, phù hợp với quy định của Luật đất đai.

Do đó, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 2 Luật bảo vệ và phát triển rừng, Điều 100; Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn T; giải quyết cho ông Lăng Viết C được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 4.779,2m^2; đình chỉ phần diện tích ông Nông Văn T đã rút gồm phần diện tích đất (khu mộ 1) có diện tích là 117,8m^2 (cụ thể diện tích 79,9m^2 thuộc một phần thửa 78, diện tích 37,9m^2 thuộc một phần thửa 132); (khu mộ 2) có diện tích 20,3m^2, diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 132 là 64,7 m^2, một phần thửa đất số 121 là 1.655,0m^2 và phần diện tích của lô 176 là 597m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 70, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 1, 2, 3, 19, 73 của Luật đất đai 1993; các điều 4, 5, 6, 10, 50, khoản 2 Điều 52, Điều 105, Điều 123 Luật đất đai 2003; khoản 1, khoản 2 Điều 135 nghị định số 181/2004/NĐ- CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005; các điều 3, 4, 26, 98, 99, 100, 166, 170, 203 của Luật đất đai 2013; các điều 160, 161, 163, 164, 166, 189, 190, 221 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn T đối với yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 4.779,2m² thuộc loại đất rừng sản

xuất, có vị trí đỉnh thửa S = A2, A3, A12, A6, A7, B5, B7, C8, C7, C6, C5, C3, C2, C1, C4, C3, C5, A9, A10, A11, B4, B3, B2, B1 tại địa danh: Thâm Sliềng, thôn Cốc Tòong, xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn, tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất và yêu cầu hủy một phần Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng lô 173 địa danh Thâm Sliềng thuộc thôn CT, xã BL giao cho hộ ông Lăng Viết C (Lăng Văn C) ngày 16/12/1994.

2. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất (khu mộ 1) có diện tích là 117,8m^2 (cụ thể diện tích 79,9m^2 có vị trí đỉnh thửa S= C5, C6, C7, C8, B6 thuộc một phần thửa 78, diện tích 37,9m^2 có vị trí đỉnh thửa S= B6, C8, C9, A8 thuộc một phần thửa 132); (khu mộ 2) có diện tích 20,3m^2 có vị trí đỉnh thửa S= C1, C2, C3, C4 thuộc một phần thửa đất số 78; diện tích 64,7m^2 có vị trí đỉnh thửa S= C8, B7, B5, C9 thuộc một phần thửa đất số 132; diện tích 1.655,0m^2 có vị trí đỉnh thửa S= A1, B1, B2, B3, B4 thuộc một phần thửa đất số 121 và phần diện tích của lô 176 là 597m^2 có vị trí đỉnh thửa A3, A4, A5, A12.

(Có trích đo địa chính khu đất tranh chấp hệ tọa độ VN 2000 và Phụ lục bổ sung thông tin của Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn kèm theo Bản án).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024, nguyên đơn ông Nông Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn - ông Nông Văn T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng, không khách quan. Sổ bìa xanh của ông C bị tẩy xóa, không có căn cứ cho rằng sổ này là cấp cho thửa đất đang tranh chấp. Ông đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Bị đơn - ông Lăng Văn C trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị I nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn; anh Lăng Văn Ng đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư Trương Đức H1 - bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Gia đình ông Thắng quản lý, khai thác khu đất tranh chấp đã qua bốn đời, việc này bà con trong thôn và họ hàng đều biết. Do hiểu biết hạn chế nên gia đình ông Thắng không làm đơn xin giao đất, giao rừng năm 1994 và 2008. Về hồ sơ giao rừng (Sổ bìa xanh): thể hiện giao 2,43 ha, như vậy còn 2.349,2m^2 chưa

xác định là của ai; bản đồ không thể hiện mốc giới, không có biên bản giao đất tại hiện trường là vi phạm về trình tự thủ tục giao đất; có việc sửa chữa sổ mục kê nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét địa danh có chính xác hay không, không yêu cầu cung cấp hồ sơ gốc để đối chiếu, kiểm tra; UBND huyện cũng đã đề nghị hủy sổ bìa xanh. Về việc thu thập chứng cứ: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành giám định tuổi cây, ông C thừa nhận cây của ông Thắng được trồng trên thửa đất tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Lương Thị Hg trình bày: Về nguồn gốc đất của ông C thuộc lô 173, dù có tẩy xóa địa danh thì vẫn là lô đất 173; năm 2003, ông Thắng trồng cây trên thửa đất tranh chấp nên mới xảy ra tranh chấp và UBND xã đã hòa giải. Do đó, việc ông C thừa nhận cây của ông Thắng không có gì mâu thuẫn. Việc UBND huyện đề nghị hủy sổ bìa xanh là không đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của phía nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn là ông Nông Văn T trong hạn luật định; ông Thắng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đủ những người tham gia tố tụng.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***** Về nội dung:

[4] Về vị trí, diện tích đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận và xác định vị trí, diện tích thửa đất tranh chấp được xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2023, biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2023 và kết quả đo đạc được thể hiện tại Bản đồ trích đo khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô – Chi nhánh Lạng Sơn lập ngày 09/3/2023, theo đó:

Thửa đất tranh chấp có vị trí thuộc 1 phần thửa đất số 78, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã BL, diện tích 179.408m^2, mục đích sử dụng RSK; địa chỉ: Thâm Sliềng, thôn Cốc Tòong, xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp với đất ông Lăng Văn C, phía Nam tiếp giáp với rừng ông Th4, phía Tây tiếp giáp với đất ông V1, phía Bắc tiếp giáp với đất bà H2 và ông Ph. Diện tích tranh chấp có vị trí đỉnh thửa S= A1, A2, A3, A4, A5, A12, A6, A7, B5, C9, A8, B6, C5, A9, A10, A11= 7.234,0m². Tài sản trên đất gồm: 01 cây ổi, 15 cây cam đường kính 10- 15cm; 12 cây cam đường kính 5- 10cm, 03 cây nhãn đường kính 30cm, 01 nhãn đường kính dưới 5cm, 01 cây xoan, 15 cây chè, 04 cây hồi, 01 cây trám, 03 cây gỗ tạp, 01 cây bưởi.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, phía nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu xem xét giải quyết đối với phần diện tích đất (khu mộ 1) có diện tích là 117,8m^2 (cụ thể diện tích 79,9m^2 có vị trí đỉnh thửa S= C5, C6, C7, C8, B6 thuộc một phần thửa 78, diện tích 37,9m^2 có vị trí đỉnh thửa S= B6, C8, C9, A8 thuộc một phần thửa 132); (khu mộ 2) có diện tích 20,3m^2 có vị trí đỉnh thửa S= C1, C2, C3, C4 thuộc một phần thửa đất số 78; diện tích 64,7 m^2 có vị trí đỉnh thửa S= C8, B7, B5, C9 thuộc một phần thửa đất số 132; diện tích 1.655,0m^2 có vị trí đỉnh thửa S= A1, B1, B2, B3, B4 thuộc một phần thửa đất số 121 và phần diện tích của lô 176 là 597m^2 có vị trí đỉnh thửa A3, A4, A5, A12.

Như vậy, diện tích hai bên tranh chấp còn lại là 4.779,2m^2 có vị trí đỉnh thửa S= A2, A3, A12, A6, A7, B5, B7, C8, C7, C6, C5, C3, C2, C1, C4, C3, C5, A9, A10, A11, B4, B3, B2, B1 và tài sản hiện có trên đất gồm 09 cây cam, 02 cây nhãn, 02 cây trám , 02 cây quýt, 04 cây hồi, 01 cây si, 01 cây sau sau và 01 cây xoan.

[5] Xét kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chấm dứt tranh chấp khu đất rừng địa danh Thâm Sliềng của gia đình ông; buộc ông Lăng Văn C di dời toàn bộ các cây mà ông Lăng Văn C đã trồng trên đất rừng Thâm Sliềng, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tranh chấp:

[5.1.1] Phía nguyên đơn khai là của ông cha mình và mình có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ bốn đời nhưng không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ chứng minh; không có căn cứ về việc cây trồng thời điểm nào, quản lý các cây trồng ra sao; nguyên đơn không được giao đất giao rừng xung quanh khu đất tranh chấp; nhà nguyên đơn không có đất liền kề khu đất tranh chấp; nguyên đơn thừa nhận ngoài phần đất rừng đang tranh chấp gia đình ông có đất rừng ở chỗ khác và cũng được giao đất giao rừng (sổ xanh) và các lần đo đạc bản đồ năm 1994, 2008, 2013 ông đều biết nhưng không đi mà do vợ ông đi và sau khi có kết quả đo đạc thì được thông báo kết quả đo đạc.

[5.1.2] Phía bị đơn cho rằng: Đất có nguồn gốc là của ông cha, bố mẹ ông C được các cụ chia cho sau đó đến đời ông C, gia đình ông C đã tiếp tục quản lý sử dụng. Sau khi nhận đất rừng gia đình ông C tiếp tục khoanh nuôi chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng đã được nhận, đồng thời trồng thêm một số cây trám, cây cam, cây hồi thay thế cho các cây đã chết, số cây ông đã trồng sống và tồn tại đến nay có 1 cây hồi, 03 cây quýt, cam, 01 cây trám, ngoài các cây ông đã trồng thì còn một số cây hồi, cây cam, cây nhãn hiện có trên đất là các cây phát tán mọc tự nhiên hàng năm đi rừng ông phát quang cho cây mọc và phát triển, trên phần đất trồng rừng ông C trồng ngô, sắn và gừng. Ông C quản lý phần diện tích đất đang tranh chấp từ khi được giao đất năm 1994 không có ai tranh chấp. Năm 2003 ông C phát hiện gia đình ông Thắng đã trồng cây ăn quả trên diện tích đất ông đang quản lý sử dụng nên đã yêu cầu chính quyền xã giải quyết. Ông Nông Văn T cũng thừa nhận việc trồng cây trên khu đất trên. Sau năm 2003 gia đình ông C vẫn tiếp tục quản lý sử dụng, đến năm 2022 mới tiếp tục có tranh chấp phát sinh.

[5.1.3] Những người làm chứng Nguyễn Máy D3, Lăng Văn D4, Hà Thị C5 đều trình bày: Họ đều là người trong họ Lăng, gia đình của họ có chồng, con gái, con trai...chết, khi an táng trên khu đồi Thâm Sliềng thì họ đều đến gặp ông Lăng Văn C để đặt vấn đề chôn cất người thân tại khu rừng đó vì người quản lý, sử dụng khu rừng đó là ông Lăng Văn C, khi ông Lăng Văn C đồng ý họ đã chôn người thân của họ tại đó. Hiện nay những ngôi mộ của gia đình họ vẫn để ở đó.

[5.1.4] Kết luận giám định thể hiện khu đất tranh chấp thuộc một phần lô đất số 173, tổng diện tích 2,43 ha được Uỷ ban nhân dân huyện CL giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Lăng Viết C theo Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994 và so sánh "Sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp" kèm trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Lăng Viết C theo Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994 trùng khớp với nội dung thể hiện tại bản trích bản đồ giao đất rừng xã BL. Các bên đương sự đều nhất trí đối với nội dung kết luận giám định.

[5.2] Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự như phân tích ở trên về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định: Bị đơn ông Lăng Văn C được giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng đối với lô 173 vào năm 1994, đến năm 2013 được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 121 và số 132 có diện tích trùng lên sổ bìa xanh của lô 173 (diện tích này nguyên đơn đã rút yêu cầu), diện tích còn lại hiện đang tranh chấp thuộc thửa 78 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 5 tỷ lệ 1:10.000 xã BL năm 2008, đứng tên sổ mục kê do Uỷ ban nhân dân xã BL quản lý. Không có căn cứ xác định khu đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Đối với Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng của bị đơn được UBND huyện CL cấp năm 1994, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6.1] Đối với Hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 (Sổ Bìa xanh) đã cấp cho ông Lăng Văn C: Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994 của UBND huyện CL là giao đất rừng cho 22 hộ gia đình ở thôn CT, xã BL. Thực tế gia đình ông C sinh sống tại thông CT.

[6.2] Kết luận giám định ngày 08/6/2023 của Giám định viên Đàm Văn Tuệ thể hiện: khu đất tranh chấp thuộc một phần lô đất số 173, tổng diện tích 2,43 ha được Uỷ ban nhân dân huyện CL giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Lăng Viết C theo Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994 và so sánh "Sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp" kèm trong Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Lăng Viết C theo Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994 trùng khớp với nội dung thể hiện tại bản trích bản đồ giao đất rừng xã BL. Năm 2013, Bị đơn ông Lăng Văn C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 121 và số 132 có diện tích trùng lên sổ bìa xanh của lô 173 giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng đối với lô 173 vào năm 1994, (diện tích này nguyên đơn đã rút yêu cầu),

[6.3] Quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã BL, huyện CL, tỉnh Lạng Sơn - ông Hoàng Văn Th2 trình bày: Năm 2008 đo đạc dự án đất Lâm nghiệp trong quá trình đo và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 5, diện tích 179.480,0m^2 các hộ dân sử dụng đất không đến ký nhận diện tích nên Uỷ ban nhân dân xã đã ký nhận đứng tên trên sổ mục kê. Nhưng thực tế đất vẫn do các hộ dân quản lý sử dụng, nhưng không xác định được ai đang quản lý sử dụng.

[6.4] Như vậy, mặc dù trong sổ bìa xanh được cấp cho ông Lăng Văn C có việc tẩy xóa nhưng căn cứ vào các phân tích nêu trên thấy có đủ cơ sở xác định sổ bìa xanh được cấp cho bị đơn có vị trí đất được cấp tại lô đất số 173, tổng diện tích 2,43 ha theo Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 16/12/1994. Do đó, không có căn cứ chấp nhận việc hủy một phần Hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng mà Uỷ ban nhân dân huyện CL đã cấp cho ông C năm 1994. Việc hủy sổ bìa xanh sẽ được thực hiện do Uỷ ban nhân dân huyện rà soát, thực hiện

hủy sổ, thu hồi đất để đảm bảo việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất đủ điều kiện cấp, còn đối với diện tích đất đang tranh chấp hiện nay thì không có căn cứ để hủy.

[7] Về việc nguyên đơn cho rằng có cây cối của ông được trồng từ trước khi bị đơn được giao đất, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2003, khi ông Thắng trồng cây trên thửa đất tranh chấp thì 2 bên đã phát sinh tranh chấp, UBND xã đã hòa giải, theo lời trình bày của bị đơn thì số cây hiện nay của nguyên đơn có từ thời điểm đó. Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên đây không phải là căn cứ để xác định thửa đất tranh chấp là của nguyên đơn.

[8] Tổng hợp những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không cung cấp thêm tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn - ông Nông Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nông Văn T, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Ông Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0006101 ngày 14/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Thanh

Hoàng Mạnh Hùng

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo